

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH CHƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/DS - ST

Ngày: 21/9/2018.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH CHƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: **Nguyễn Thị Cảnh**

2. Ông: **Nguyễn Đăng Linh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Tráng** là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà **Trịnh Thị Ngọc Soa** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2018/TLST- DS ngày 19 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXXST- DS ngày 04/9/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A; địa chỉ: Số 35, Quận HK, TP HN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phan Đức T** - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Văn H**, chức vụ: Phó Giám đốc chi nhánh P; (Văn bản ủy quyền số 237a/GUQ- BIDV.PD ngày 06/6/2018 của Ngân hàng TMCP A) Có mặt.

Bị đơn: Anh **Hoàng Văn Đ**, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm P, xã Đ, huyện TC, tỉnh NA. Vắng mặt.

Chị **Phạm Thị Bích H**, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm P, xã Đ, huyện TC, tỉnh NA. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Nguyễn Sông C**, sinh năm 1961; địa chỉ: Xóm P, xã Đ, huyện TC, tỉnh NA. Có mặt.

- Bà **Võ Thị X**, sinh năm 1962; địa chỉ: Xóm P, xã Đ, huyện TC, tỉnh NA. Vắng mặt. Xóm P, xã Đ, huyện TC, tỉnh NA. Vắng mặt.

- Anh **Hoàng Văn Lợi**, sinh năm 1987; địa chỉ:

- Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1984; Xóm P, xã Đ, huyện TC, tỉnh NA. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/02/2018, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP A trình bày như sau:

Ngân hàng TMCP A cho vợ chồng anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1982, chị Phạm Thị Bích H, sinh năm 1988 vay số tiền 900.000.000đồng (Chín trăm triệu đồng) cụ thể theo các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng 1: Ngày 18/3/2016 vợ chồng anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1982 và chị Phạm Thị Bích H, sinh năm 1988 có ký Hợp đồng tín dụng số 01/2016/3521020/HĐTD với ngân hàng TMCP A. Nội dung của hợp đồng là anh Hoàng Văn Đ, chị Phạm Thị Bích H vay của ngân hàng số tiền 350.000.000đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*), mục đích vay là mua thức ăn chăn nuôi, thời hạn vay là 09 tháng, kể từ ngày 18/3/2016. Hạn trả nợ gốc là ngày 18/12/2016 . Lãi suất trong hạn là 10%/năm; Lãi suất gia hạn nợ là 120% lãi suất cho vay cùng loại tại thời điểm gia hạn; Lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; Lãi được trả định kỳ 03 tháng một lần vào ngày 25 hàng tháng. Ngân hàng đã giải ngân một lần bằng tiền mặt cho anh Hoàng Văn Đ nhận ngày 18/3/2018.

Tài sản đảm bảo cho hợp đồng tín dụng số 01/2016/3521020/HĐTD ngày 18/3/2016, số tiền vay 350.000.000đồng là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 785814 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1562/QSĐĐ do UBND huyện Thanh Chương cấp ngày 08/12/1995 mang tên Nguyễn Sông C và các tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/3521020/HĐDB ký kết ngày 25/9/2014 giữa vợ chồng ông Nguyễn Sông C và bà Võ Thị X với Ngân hàng A. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì anh Hoàng Văn Đ và chị Phạm Thị Bích H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và phải chịu lãi suất nợ quá hạn theo thỏa trong hợp đồng tín dụng. Sau khi anh Đ, chị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, gửi thông báo về việc nợ quá hạn và yêu cầu trả nợ gốc, lãi nhưng vợ chồng anh Đ, chị H không thực hiện.

Ngày 30/5/2018 anh Hoàng Văn Đ đã chuyển khoản vào tài khoản số 511100..... của anh Hoàng Văn Đ mở tại Ngân hàng số tiền 30.000.000đồng để trả nợ. Sáng 31/5/2018 Ngân hàng đã thực hiện thu nợ gốc 30.000.000đồng đối với Hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số 01/2016/3521020/HĐTD. Hiện nay anh Hoàng Văn Đ, chị Phạm Thị Bích H còn nợ gốc đối với Hợp đồng tín dụng số 01/2016/3521020/HĐTD là 320.000.000đồng. (*Ba trăm hai mươi triệu*) Tiền lãi trong hạn Hợp đồng tín dụng số 01/2016/3521020/HĐTD tính đến ngày 21/9/2018 là 70.394.333đồng; Lãi quá hạn là 30.778.167đồng. Tổng gốc và lãi là: 421.172.500đồng.

Hợp đồng tín dụng 2: Ngày 16/5/2016 vợ chồng anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1982 và chị Phạm Thị Bích H, sinh năm 1988 có ký Hợp đồng tín dụng số 02/2016/3521020/HĐTD với Ngân hàng thương mại cổ phần A. Nội dung của hợp đồng là anh Hoàng Văn Đ, chị Phạm Thị Bích H vay của ngân hàng số tiền 550.000.000đồng (*Năm trăm, năm mươi triệu*), mục đích vay là mua thức ăn chăn nuôi, thời hạn vay là 09 tháng, kể từ ngày 16/5/2016. Hạn trả nợ gốc là ngày 18/12/2016. Lãi

suất trong hạn là 10%/năm; Lãi suất gia hạn nợ là 120% lãi suất cho vay cùng loại tại thời điểm gia hạn; Lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; Lãi được trả định kỳ 03 tháng một lần vào ngày 25 hàng tháng. Ngân hàng đã giải ngân một lần bằng tiền mặt cho anh Hoàng Văn Đ nhận ngày 16/5/2018. Tính đến nay anh Hoàng Văn Đ, chị Phạm Thị Bích H còn nợ gốc đối với Hợp đồng tín dụng số 02/2016/3521020/HĐTD là 550.000.000đồng. (*Năm trăm, năm mươi triệu*). Tiền lãi trong hạn Hợp đồng tín dụng số 02/2016/3521020/HĐTD tính đến ngày 21/9/2018 là 123.772.222đồng; Lãi quá hạn là 41.402.778đồng. Tổng gốc và lãi là 715.175.000 đồng.

Tài sản đảm bảo cho hợp đồng tín dụng số 02/2016/3521020/HĐTD 16/5/2016, số tiền vay 550.000.000đồng là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 305487 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00310 do UBND huyện Thanh Chương cấp ngày 28/10/2014 mang tên chủ hộ ông Hoàng Văn L và các tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2014/3521020/HĐDB ký kết ngày 03/11/2014 giữa vợ chồng ông Hoàng Văn L và bà Nguyễn Thị H với Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì anh Hoàng Văn Đ và chị Phạm Thị Bích H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết và phải chịu lãi suất nợ quá hạn theo thỏa trong hợp đồng tín dụng. Sau khi anh Đ, chị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, gửi thông báo về việc nợ quá hạn và yêu cầu trả nợ gốc, lãi nhưng vợ chồng anh Đ, chị H không thực hiện.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh Hoàng Văn Đ và chị Phạm Thị Bích H trả cho ngân hàng A tiền nợ gốc của hai hợp đồng tín dụng là 870.000.000đồng; tiền lãi trong hạn tính đến ngày 21/9/2018 của hai hợp đồng là 194.166.555đồng; Lãi quá hạn của hai hợp đồng tính đến ngày 21/9/2018 là 72.180.945đồng. Tổng nợ cả gốc và lãi của hai hợp đồng tính đến ngày 21/9/2018 là: 1.136.347.500đồng (*Một tỷ, một trăm ba mươi sáu triệu, ba trăm bốn bảy nghìn, năm trăm đồng*). Trường hợp anh Đ, chị H không trả được số nợ trên thì đề nghị Tòa án duy trì các hợp đồng thế chấp của bên thứ ba để đảm bảo cho việc thi hành án.

Ý kiến của bị đơn: Tại văn bản ý kiến của bị đơn anh Hoàng Văn Đ và chị Phạm Thị Bích H có ý kiến như sau:

Ngày 18/3/2016 vợ chồng anh Hoàng Văn Đ và chị Phạm Thị Bích H có ký Hợp đồng tín dụng số 01/2016/3521020/HĐTD vay của Ngân hàng A số tiền 350.000.000đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*). Tài sản đảm bảo cho hợp đồng tín dụng số 01/2016/3521020/HĐTD là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 785814 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1562/QSĐĐ do UBND huyện Thanh Chương cấp ngày 08/12/1995 mang tên Nguyễn Sông C và các tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/3521020/HĐDB ký kết ngày 25/9/2014 giữa vợ chồng ông Nguyễn Sông C và bà Võ Thị X với Ngân hàng thương mại cổ phần A. Ngày 30/5/2018 anh Hoàng Văn Đ đã chuyển khoản vào tài khoản số 51110000254777 của anh Hoàng Văn Đ mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần A số

tiền 30.000.000đồng để trả nợ. Hiện nay vợ chồng anh Đ, chị H còn nợ đối với hợp đồng tín dụng này là 320.000.000đồng tiền gốc.

Ngày 16/5/2016 vợ chồng anh Hoàng Văn Đ và chị Phạm Thị Bích H có ký Hợp đồng tín dụng số 02/2016/3521020 vay Ngân hàng thương mại cổ phần A để vay số tiền 550.000.000.000đồng. (*Năm trăm, năm mươi triệu đồng*). Tài sản đảm bảo cho hợp đồng tín dụng số 02/2016/3521020/HĐTD là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 305487 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00310 do UBND huyện Thanh Chương cấp ngày 28/10/2014 mang tên chủ hộ ông Hoàng Văn L và các tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2014/3521020/HĐĐB ký kết ngày 03/11/2014 giữa vợ chồng ông Hoàng Văn L và bà Nguyễn Thị H với Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Lý do mà vợ chồng anh Đ, chị H chưa trả được nợ gốc và lãi cho Ngân hàng là do sau khi nhận tiền vay từ ngân hàng về vợ chồng làm ăn thua lỗ, gặp khó khăn nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, thông báo nợ quá hạn nhưng vợ chồng anh Đ, chị H chưa trả được số nợ trên cho ngân hàng. Nay vợ chồng anh Đ, chị H đang nợ số tiền gốc là 870.000.000đồng và tiền lãi theo hợp đồng, anh Đ, chị H xin ngân hàng được gia hạn trả nợ gốc, đối với khoản lãi vợ chồng sẽ trả cho ngân hàng trong thời hạn sớm nhất.

-Ý kiến bà Võ Thị X tại bản tự khai ngày 05/7/2018; ý kiến ông Nguyễn Sông C tại bản tự khai ngày 09/4/2018 và tại phiên tòa như sau: Ngày 25/9/2014 vợ chồng ông C , bà X ký hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/3521020/HĐĐB với Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư A. Nội dung vợ chồng ông Nguyễn Sông C và bà Võ Thị X đồng ý dùng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 785814 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1562/QSĐĐ do UBND huyện Thanh Chương cấp ngày 08/12/1995 mang tên Nguyễn Sông C và các tài sản gắn liền với đất để đảm bảo cho anh Hoàng Văn Đ, chị Phạm Thị Bích H vay số tiền 350.000.000đồng (*Ba trăm năm mươi triệu*). Nay ngân hàng khởi kiện anh Đ, chị H yêu cầu trả số nợ trên thì ông C, bà X đề nghị anh Đ , chị H trả nợ cho ngân hàng. Trường hợp vợ chồng anh Đ , chị H không trả được nợ cho ngân hàng thì vợ chồng ông Nguyễn Sông C, bà Võ Thị X đồng ý dùng tài sản thế chấp của mình theo hợp đồng thế chấp để trả nợ cho anh Hoàng Văn Đ và chị Phạm Thị Bích H.

-Ý kiến anh Hoàng Văn L tại bản tự khai ngày 09/4/2018; ý kiến chị Nguyễn Thị H tại bản tự khai ngày 22/5/2018 trình bày như sau: Ngày 03/11/2014 vợ chồng anh L, chị H ký hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2014/3521020/HĐĐB ký kết ngày 03/11/2014 với Ngân hàng thương mại cổ phần A. Nội dung vợ chồng anh Hoàng Văn L, chị Nguyễn Thị H đồng ý dùng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 305487 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00310 do UBND huyện Thanh Chương cấp ngày 28/10/2014 mang tên chủ hộ anh Hoàng Văn L và các tài sản gắn liền với đất để đảm bảo cho anh Hoàng Văn Đ, chị Phạm Thị H vay số tiền 550.000.000đồng theo hợp đồng tín dụng tại Ngân hàng thương mại cổ phần A. Nay ngân hàng khởi kiện anh

Đ, chị H yêu cầu trả số nợ trên thì ông C, bà X đề nghị anh Đ, chị H trả nợ cho ngân hàng. Trường hợp vợ chồng anh Đ, chị H không trả được nợ cho ngân hàng thì vợ chồng anh Hoàng Văn Đ, chị Nguyễn Thị H đồng ý dùng tài sản thế chấp của mình theo hợp đồng thế chấp để trả nợ cho anh Hoàng Văn Đ và chị Phạm Thị Bích H.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không tham gia phiên họp, phiên hòa giải theo thông báo của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 2 Điều 26; Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323, Điều 335, Điều 336, Điều 342, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 12 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 3 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A. Buộc vợ chồng anh Hoàng Văn Đ, chị Phạm Thị Bích H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền gốc là 870.000.000 đồng; tiền lãi của hai hợp đồng tính đến ngày 21/9/2018 là 266.347.500 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 1.136.347.500 đồng (*Một tỷ, một trăm ba mươi sáu triệu, ba trăm bốn bảy nghìn, năm trăm đồng*)

Chia kỹ phần: Anh Hoàng Văn Đ phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 21/9/2018 là 568.173.750 đồng (*Năm trăm sáu tám ngàn, một trăm bảy ba ngàn, bảy trăm năm mươi đồng*) Tiền gốc là 435.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 21/9/2018 là 133.173.750 đồng.

Chị Phạm Thị Bích H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 21/9/2018 là 568.173.750 đồng (*Năm trăm sáu tám ngàn, một trăm bảy ba ngàn, bảy trăm năm mươi đồng*) Tiền gốc là 435.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 21/9/2018 là 133.173.750 đồng.

Tiếp tục duy trì 02 hợp đồng thế chấp, bảo lãnh của bên thứ 3 để đảm bảo thi hành án.

Về án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc vợ chồng anh Hoàng Văn Đ, chị Phạm Thị Bích H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án thuộc trường hợp Tòa án không tiến hành hòa giải được vì bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt được quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 28/8/2018 Tòa án đã mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa thì Tòa án đã tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập phiên tòa và Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A về việc khởi kiện yêu cầu vợ chồng Hoàng Văn Đ, chị Phạm Thị Bích H trả nợ gốc và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 21/9/2018 với tổng số tiền là 1.136.347.500 đồng thì thấy rằng: Các hợp đồng tín dụng số 01/2016/3521020/HĐTD ngày 18/3/2016 và hợp đồng tín dụng số 02/2016/3521020/HĐTD ngày 16/5/2016 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A với vợ chồng anh Hoàng Văn Đ, chị Phạm Thị Bích H được ký kết hoàn toàn tự nguyện, nội dung của hai hợp đồng này không vi phạm điều cấm, không trái với quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức do đó hai hợp đồng tín dụng đều hợp pháp, có hiệu lực thi hành đối với các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng thì nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần A đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ của bên cho vay là giao đủ số tiền theo khế ước nhận nợ và hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Phía bị đơn là anh Hoàng Văn Đ, chị Phạm Thị Bích H cũng thừa nhận trong quá trình thực hiện hợp đồng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, lý do là do làm ăn thua lỗ, không có tiền trả nợ.

Như vậy có đủ cơ sở xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại các hợp đồng tín dụng số 01/2016/3521020/HĐTD ngày 18/3/2016 và hợp đồng tín dụng số 02/2016/3521020/HĐTD ngày 16/5/2016. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, HĐXX áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 buộc anh Đ, chị H trả cho ngân hàng A theo các hợp đồng tín dụng với tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 21/9/2018 là 1.136.347.500 đồng (*Trong đó nợ gốc là 870.000.000 đồng, tiền lãi của hai hợp đồng tính đến ngày 21/9/2018 là 266.347.500 đồng*)

[3] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng A:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 01/2014/3521020/HĐDB được ký kết ngày 25/9/2014 giữa vợ chồng ông Nguyễn Sông C và bà Võ Thị X với Ngân hàng thương mại cổ phần A để đảm bảo khoản vay của hợp đồng tín dụng số 01/2016/3521020/HĐTD ngày 18/3/2016 của anh Hoàng Văn Đ và chị Phạm Thị Bích H là đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án thì ông Nguyễn Sông C, bà Võ Thị X đều thừa nhận ông, bà đã dùng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 785814 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

1562/QSĐĐ do UBND huyện Thanh Chương cấp ngày 08/12/1995 mang tên Nguyễn Sông C để đảm bảo cho anh Hoàng Văn Đ và chị Phạm Thị Bích H hòng vay của Ngân hàng A số tiền 350.000.000đồng. Ông Nguyễn Sông C, bà Võ Thị X đều đồng ý dùng tài sản thế chấp của mình để đảm bảo cho việc thi hành án trong trường hợp anh Đ, chị H không có khả năng trả nợ cho ngân hàng. Như vậy việc Ngân hàng A đề nghị Tòa án tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 01/2014/3521020/HĐĐB được ký kết ngày 25/9/2014 giữa vợ chồng ông Nguyễn Sông C và bà Võ Thị X với Ngân hàng A để đảm bảo cho việc thi hành án là có căn cứ chấp nhận.

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2014/3521020/HĐĐB ký kết ngày 03/11/2014 giữa vợ chồng ông Hoàng Văn L và bà Nguyễn Thị H với Ngân hàng thương mại cổ phần A để đảm bảo khoản vay cho hợp đồng tín dụng số 02/2016/3521020/HĐTD 16/5/2016 của anh Hoàng Văn Đ, chị Phạm Thị Bích H là đúng theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì anh Hoàng Văn L, chị Nguyễn Thị H đều thừa nhận ông, bà đã dùng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 305487 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00310 do UBND huyện Thanh Chương cấp ngày 28/10/2014 mang tên chủ hộ ông Hoàng Văn L để đảm bảo cho anh Hoàng Văn Đ và chị Phạm Thị Bích H vay của Ngân hàng A số tiền 550.000.000đồng. Anh Hoàng Văn L, chị Nguyễn Thị H đều đồng ý dùng tài sản thế chấp của mình để đảm bảo cho việc thi hành án trong trường hợp anh Đ, chị H không có khả năng trả nợ cho ngân hàng. Như vậy việc Ngân hàng A đề nghị Tòa án tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 02/2014/3521020/HĐĐB ký kết ngày 03/11/2014 giữa vợ chồng ông Hoàng Văn L và bà Nguyễn Thị H với Ngân hàng thương mại cổ phần A để đảm bảo cho việc thi hành án là có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét ý kiến của bị đơn: Tại văn bản ý kiến của bị đơn anh Hoàng Văn Đ và chị Phạm Thị Bích H đều thừa nhận ngày 18/3/2016 vợ chồng anh Đ, chị H có ký Hợp đồng tín dụng số 01/2016/3521020/HĐTD vay của Ngân hàng A số tiền 350.000.000đồng. Ngày 16/5/2016 vợ chồng anh Hoàng Văn Đ và chị Phạm Thị Bích H có ký Hợp đồng tín dụng số 02/2016/3521020 vay Ngân hàng số tiền 550.000.000.000đồng. Anh Đ, chị H đều thừa nhận là vợ chồng còn nợ ngân hàng A số tiền gốc và lãi theo hai hợp đồng tín dụng như ngân hàng đã cung cấp cho Tòa án, vợ chồng anh Đ, chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng và phải chịu lãi suất quá hạn. Ngày 30/5/2018 anh Hoàng Văn Đ đã chuyển khoản vào tài khoản mở tại Ngân hàng A trả được số tiền gốc là 30.000.000đồng đối với hợp đồng tín dụng số 01 ngày 18/3/2016. Nay anh Đ, chị H xin Ngân hàng A được gia hạn trả nợ gốc, đối với khoản lãi vợ chồng sẽ trả cho ngân hàng trong thời hạn sớm nhất. Xét thấy lời khai của anh Đ, chị H là phù hợp với các hợp đồng tín dụng, phù hợp với lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy bị đơn đã thừa nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có tranh chấp về nội dung khởi kiện. Việc vợ chồng

anh Đ, chị H xin Ngân hàng A được gia hạn trả nợ gốc, đối với khoản lãi vợ chồng sẽ trả cho ngân hàng trong thời hạn sớm nhất thì tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ngân hàng A không đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy buộc anh Hoàng Văn Đ, chị Phạm Thị Bích H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày ngày 21/9/2018 là 1.136.347.500đồng là đúng quy định của pháp luật. *(Trong đó nợ gốc là 870.000.000đồng, tiền lãi của hai hợp đồng tính đến ngày 21/9/2018 là 266.347.500đồng)*

[5] Xét ý kiến của người có quyền lợi liên quan:

- Ông Nguyễn Sông C, bà Võ Thị X đều thừa nhận ngày 25/9/2014 đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 01/2014/3521020/HĐĐB với ngân hàng A để đảm bảo cho anh Hoàng Văn Đ, chị Phạm Thị Bích H vay số tiền 350.000.000đồng. Xét thấy lời khai của ông C, bà X phù hợp với hợp đồng thế chấp bất động sản cả bên thứ ba, phù hợp kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, phù hợp với lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và các chứng cứ tài liệu khác. Trong quá trình giải quyết vụ án thì ông C, bà X đều có ý kiến trường hợp anh Đ, chị H không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng A thì ông C, bà X đồng ý dùng tài sản thế chấp của bên thứ ba để trả nợ cho anh Đ, chị H. Do đó Hội đồng xét xử cần tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 01/2014/3521020/HĐĐB được ký kết ngày 25/9/2014 giữa vợ chồng ông Nguyễn Sông C và bà Võ Thị X với Ngân hàng thương mại cổ phần A để đảm bảo thi hành án.

- Anh Hoàng Văn L, chị Nguyễn Thị H đều thừa nhận ngày 03/11/2014 đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 02/2014/3521020/HĐĐB với ngân hàng A để đảm bảo cho anh Hoàng Văn Đ, chị Phạm Thị Bích H vay số tiền 550.000.000đồng. Xét thấy lời khai của anh L, chị H phù hợp với hợp đồng thế chấp bất động sản cả bên thứ ba, phù hợp kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, phù hợp với lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và các chứng cứ tài liệu khác. Trong quá trình giải quyết vụ án thì anh L, chị H đều có ý kiến trường hợp anh Đ, chị H không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng A thì anh L, chị H đồng ý dùng tài sản thế chấp của bên thứ ba để trả nợ cho anh Đ, chị H. Do đó Hội đồng xét xử cần tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 02/2014/3521020/HĐĐB được ký kết ngày 03/11/2014 giữa vợ chồng anh Hoàng Văn L và chị Nguyễn Thị H với Ngân hàng thương mại cổ phần A để đảm bảo thi hành án.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là đúng với quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 31.500.000đồng *(Ba mươi một triệu, năm trăm ngàn đồng)*

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng A đã nộp số tiền tạm ứng chi phí chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 900.000đồng *(Chín trăm ngàn)* và đã được chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ hết. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng A được Tòa án chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu chi phí xem xét,

thẩm định tại chỗ là đúng với quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy buộc vợ chồng anh Hoàng Văn Đ, chị Phạm Thị Bích H phải trả cho Ngân hàng A số tiền là 900.000đồng (*Chín trăm ngàn*).

[7] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng và việc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng pháp luật để giải quyết nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26; Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323, Điều 335, Điều 336, Điều 342, Điều 463, Điều 466, Điều 288, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 12 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 3 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A. Buộc vợ chồng anh Hoàng Văn Đ, chị Phạm Thị Bích H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 21/9/2018 là 1.136.347.500đồng (*Một tỷ, một trăm ba mươi sáu triệu, ba trăm bốn bảy nghìn, năm trăm đồng*) Tiền gốc là 870.000.000đồng, tiền lãi tính đến ngày 21/9/2018 là 266.347.500đồng.

Chia kỷ phần: Anh Hoàng Văn Đ phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 21/9/2018 là 568.173.750 đồng (*Năm trăm sáu tám ngàn, một trăm bảy ba ngàn, bảy trăm năm mươi đồng*) Tiền gốc là 435.000.000đồng, tiền lãi tính đến ngày 21/9/2018 là 133.173.750 đồng.

Chị Phạm Thị Bích H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 21/9/2018 là 568.173.750 đồng (*Năm trăm sáu tám ngàn, một trăm bảy ba ngàn, bảy trăm năm mươi đồng*) Tiền gốc là 435.000.000đồng, tiền lãi tính đến ngày 21/9/2018 là 133.173.750 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng A mà khách hàng vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần A theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người yêu cầu thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 01/2014/3521020/HĐDB được ký kết ngày 25/9/2014 giữa vợ chồng ông Nguyễn Sông C và bà Võ Thị X với Ngân hàng thương mại cổ phần A đối với thửa đất số 135, tờ bản đồ số 09 (nay là thửa số 96, tờ bản đồ số 10) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 785814 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1562/QSDD do UBND huyện Thanh Chương cấp ngày 08/12/1995 mang tên Nguyễn Sông C và 01 ngôi nhà cấp 4 trên thửa đất tại địa chỉ: Xóm Đ, xã ĐV, huyện TC, NA để đảm bảo cho việc thi hành án.

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 02/2014/3521020/HĐDB được ký kết ngày 03/11/2014 giữa vợ chồng anh Hoàng Văn L và chị Nguyễn Thị H với Ngân hàng thương mại cổ phần A đối với thửa đất số 1707, tờ bản đồ số 09 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 305487 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00310 do UBND huyện Thanh Chương cấp ngày 28/10/2014 mang tên chủ hộ anh Hoàng Văn L và 02 ngôi nhà cấp 4 trên thửa đất tại địa chỉ: Xóm P, xã ĐV, huyện TC, tỉnh NA để đảm bảo cho việc thi hành án.

Về án phí: Buộc vợ chồng anh Hoàng Văn Đ, chị Phạm Thị Bích H phải chịu 46.909.425 đồng (*Bốn mươi sáu triệu, chín trăm linh chín ngàn, bốn trăm hai lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Chia kỷ phần: Anh Hoàng Văn Đ phải chịu 23.454.712 đồng (*Hai mươi ba triệu, bốn trăm năm bốn ngàn, bảy trăm mười hai đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Phạm Thị Bích H 23.454.712 đồng (*Hai mươi ba triệu, bốn trăm năm bốn ngàn, bảy trăm mười hai đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần A 31.500.000 đồng (*Ba mươi mốt triệu, năm trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng phí đã nộp theo biên lai số 0001389 ngày 16/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc anh Hoàng Văn Đ, chị Phạm Thị Bích H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 900.000 đồng (*Chín trăm ngàn đồng*) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Chia kỷ phần: Anh Hoàng Văn Đ phải chịu 450.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Chị Phạm Thị Bích H phải chịu 450.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/9/2018) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc

điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người yêu cầu thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKS huyện Thanh Chương;
- Chi cục THA dân sự H. Thanh Chương;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Dũng